

Bản án số: **41** /2022/HS - ST

Ngày: 17/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn.

2. Ông Trương Khánh Thành - Hiệu phó trường
dân tộc Nội trú huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh
Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa:* Bà Dương Thị Khánh Ly, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2022. Tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh
Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
29/2021/TLST - HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 41/2022/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Ngọc T; sinh ngày: 01/8/1990;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xóm L, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không ; Nghề nghiệp: Kinh
doanh; Trình độ học vấn: 12/12. Bố: Vũ Văn C, sinh năm 1968. Mẹ: Trần Thị
T1; Sinh năm 1971. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Nguyễn
Thị Thúy Q, sinh năm 1994. Con: Có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến 11/3/2022, hiện
đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bị hại:** Chị Trần Thị Thanh T2, sinh 07/11/2004 (*Có mặt*);

Trú quán: xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện bị hại (bố đẻ): Ông Trần Văn V, sinh 1980 (*Có mặt*);

Trú quán: xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người có QLNVLQ + làm chứng:**

Anh Hoàng Văn D, sinh năm 2001 (*Có mặt*);

Trú quán: xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Ngọc T làm kinh doanh quán Internet tại xóm L, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng tháng 3/2021 thông qua mạng xã hội Facebook T làm quen chị Trần Thị Thanh T2, sinh năm 2004, trú tại xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình nhắn tin nói chuyện, giữa T và chị T2 phát sinh quan hệ tình cảm với nhau.

Từ khoảng thời gian tháng 5 đến tháng 11 năm 2021, T và chị T2 thường xuyên gọi video cho nhau thông qua ứng dụng Messenger của mạng xã hội Facebook trong khi chị T2 đang tắm. Lúc này thấy chị T2 khóa thân, không mặc quần áo, T đã tự quay lại màn hình điện thoại có hình ảnh chị T2 khóa thân rồi lưu lại. Đồng thời, T nhiều lần đề nghị chị T2 tự quay các video có chứa hình ảnh các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể chị T2 để gửi cho T. Chị T2 đồng ý và tự quay 05 đoạn video hình ảnh khóa thân của mình rồi gửi cho T. T đã lưu lại các đoạn video này trong ứng dụng Messenger.

Đến tháng 12 năm 2021, T biết chị T2 đã có tình cảm với người khác nên bực tức, nảy sinh ý định cưỡng đoạt tiền của T2. T đã sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook có tên là “Còn Cái Nịt” nhắn tin cho T2 qua 02 tài khoản Facebook của chị T2 là “T2 Mun’s” và “Thảo Láo”, T gửi cho chị T2 các video có hình ảnh khóa thân của chị T2, đe dọa yêu cầu chị T2 đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), nếu không đưa tiền T sẽ gửi các đoạn video trên cho bạn bè, người thân của chị T2 và phát tán lên mạng xã hội Facebook. Từ tháng 12 năm 2021, T liên tục đe dọa ép chị T2 phải đưa tiền cho T. Ngày 19/01/2022, sau khi bị T nhắn tin đe dọa, do lo sợ T sẽ gửi các đoạn video trên đến người thân, bạn bè và đăng tải lên mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến danh dự nên chị T2 xin đưa trước cho T 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), T đồng ý. Do T bận trông con nên T đã nhờ Hoàng Văn D, sinh năm 2001, trú tại xóm N, xã P, huyện Đại Từ (là người thường xuyên chơi game tại quán Internet của T) đến gặp chị T2 để lấy tiền. T nói với Diện đây là tiền chị T2 nợ T nên Diện đồng ý. Ngày 20/01/2022, Diện đến gặp chị T2 tại khu vực cầu trần thuộc địa phận xóm N, xã P, huyện Đại Từ, tại đây chị T2 đưa cho Diện số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Ngày 21/01/2022, Diện đến quán Internet của T đưa lại số tiền này cho T. Sau khi chiếm đoạt được 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) của chị T2, ngày 21 và 22/01/2022 T tiếp tục nhắn tin, gửi các đoạn video có chứa hình ảnh khóa thân của chị T2 đe dọa, yêu cầu chị T2 đưa nốt số tiền còn lại. Do lo sợ T tiếp tục đe dọa nên ngày 24/01/2022 chị T2 đã đến trình báo Công an xã Phú Cường.

Sau khi tiếp nhận tố giác tội phạm của chị T2, xác định vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, Công an xã Phú Cường đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ để giải quyết theo quy định.

Ngày 25/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã triệu tập Vũ Ngọc T đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) của chị Trần Thị Thanh T2 như nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 866376043758439, số IMEI 2: 866376043758421 (của T).

- 01 (Một) máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAB A, màu trắng, số IMEI: 356136100320144 (của Điện).

- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A7, màu đồng, số IMEI 1: 864267040527673, số IMEI 2: 864267040527665 (của T2).

- Số tiền: 1.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình Vũ Ngọc T đã bồi thường cho chị Trần Thị Thanh T2 số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) T cưỡng đoạt của chị T2 vào ngày 20/01/2022. Chị T2 và gia đình không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; xin giảm nhẹ và rút truy tố đối với T.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSĐT ngày 09/4/2022, VKS nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Vũ Ngọc T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX. Tuyên bố: bị cáo Vũ Ngọc T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt: bị cáo Vũ Ngọc T mức án tù 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, cho cải tạo tại địa phương. Phía người bị hại và người đại diện tiếp tục có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ, làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; VKS nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Ngọc T khai nhận. Từ khoảng tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, thông qua ứng dụng gọi điện video Messenger của mạng xã hội Facebook, Vũ Ngọc T đã quay lại được một hình ảnh khóa thân, bộ phận sinh dục của chị Trần Thị Thanh T2 trong lúc chị

T2 đang tắm, đồng thời T đã lưu lại các đoạn video chị T2 tự quay có chứa hình ảnh khỏa thân của mình gửi cho T. Đến tháng 12/2021 do có mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, T đã gửi các đoạn video nói trên đến tài khoản Facebook của chị T2 để đe dọa, ép buộc chị T2 chuyển cho T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nếu không, T sẽ gửi các đoạn video nêu trên đến người thân, bạn bè của chị T2 và đăng tải lên mạng xã hội. Từ tháng 12/2021 đến ngày 22/01/2022 T nhiều lần nhắn tin, đe dọa ép buộc chị T2 phải đưa tiền cho T. Trước sự đe dọa của T, ngày 20/01/2022 chị T2 đã buộc phải đưa cho T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật. Bị cáo có đủ nhận thức về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. VKS nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 170 BLHS quy định: “1. Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm...”.

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo: tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo xuất phát từ quan hệ nam nữ tự nguyện giữa hai bên; tuy nhiên, sau đó do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người bị hại với mục đích thu hồi lại các chi phí khi hai bên còn đang phát sinh tình cảm.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo thành khẩn khai báo; bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa phía người bị hại đã có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt và rút truy tố đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, được nuôi ăn học, có đầy đủ nhận thức các việc làm đúng sai. Bản thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy, xuất phát từ quan hệ nam nữ tự nguyện giữa hai bên, sau đó do phát sinh mâu thuẫn nên bị cáo đã nảy sinh việc chiếm đoạt tài sản của người bị hại nhằm mục đích thu hồi lại các chi phí khi hai bên đang còn có tình cảm. Mặt khác, chủ yếu các hình ảnh bị cáo sử dụng để đe dọa cưỡng đoạt tài sản là do phía người bị hại cung cấp cho bị cáo; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn. Ngoài việc sử dụng hình ảnh để đe dọa bị hại, bị cáo cũng chưa thực hiện hành vi phát tán rộng rãi trên mạng xã hội, chính vì vậy đến nay người bị hại và đại diện đã có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt và rút truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX

cần cân nhắc để có mức hình phạt tù cho phù hợp, đảm bảo tính dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, cần phạt bị cáo 01 khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước theo quy định.

[7]. Về vật chứng của vụ án + Trách nhiệm dân sự có liên quan:

- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 866376043758439, số IMEI 2: 866376043758421. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A7, màu đồng, số IMEI 1: 864267040527673, số IMEI 2: 864267040527665. Mặc dù trong điện thoại có lưu giữ một số dữ liệu hình ảnh liên quan đến vụ án nhưng đã được làm rõ và là tài sản hợp pháp của bị hại nên cần được trả lại.

- 01 (Một) máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAB A, màu trắng, số IMEI: 356136100320144. Là tài sản hợp pháp của anh Hoàng Văn D, xác định không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho chủ sở hữu.

- Số tiền: 1.000.000 đồng. Là vật chứng của vụ án, cần tịch thu sung quỹ.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST sung quỹ Nhà nước.

[9]. Các nội dung có liên quan khác:

Trong vụ án này còn có Hoàng Văn D, là người được Vũ Ngọc T nhờ đi lấy số tiền 1.000.000 đồng của chị Trần Thị Thanh T2 vào ngày 20/01/2022, do Diện không biết đây là tiền do T cưỡng đoạt của chị T2 nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Vũ Ngọc T** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1,5 Điều 170; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Vũ Ngọc T 18 (mười tám)** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là **36 (ba mươi sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Phạt bổ sung cho bị cáo Vũ Ngọc T 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà nước.

* **Trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận việc bị cáo Vũ Ngọc T đã bồi thường xong cho chị Trần thị Thanh T2 số tiền 1000.000đ (*một triệu đồng*).

*** Vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đỏ, nhãn hiệu OPPO, số IMEI 1: 866376043758439, số IMEI 2: 866376043758421.

- Trả lại cho chị Trần Thị Thanh T2 01 (Một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A7, màu đồng, số IMEI 1: 864267040527673, số IMEI 2: 864267040527665.

- Trả lại cho anh Hoàng Văn D 01 (Một) máy tính bảng nhãn hiệu SAMSUNG TAB A, màu trắng, số IMEI: 356136100320144.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước Số tiền: 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ - VKSDT ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh; Sở tư pháp tỉnh;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- THADS + THAHS Đại Từ;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- UBND TT Hùng Sơn;
- Lưu hồ sơ, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên